

Số: 20 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH thương mại thiết kế xây dựng Kiến Tạo và Biên bản đánh giá ngày 09 tháng 01 năm 2021.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH thương mại thiết kế xây dựng Kiến Tạo

Mã số thuế: 1600775508

Địa chỉ: 13/4 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bản Danh mục kèm theo giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1895**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Nơi nhận:

- Công ty TNHH TM TKXD Kiến Tạo;
- SXD tỉnh An Giang;
- TT thông tin (Website);
- Lưu: VT, KHCN&MT.



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1895
(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 20 /GCN-BXD, ngày 29 tháng 01 năm 2021)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
1	- Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
2	- Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:1993; BS 12390-8
3	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993; ASTM C1585
4	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138; AASHTO T121; BS 12350-6; JIS A1116
5	- Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:1993; ASTM C944
6	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993; AASHTO T119; ASTM C143; BS 1881-102
7	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993; ASTM C232; AASHTO T158; JIS A1123
8	- Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:1993; ASTM C496
9	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; ASTM C293; ASTM C78; AASHTO T97; AASHTO T177; JIS A1106; JIS A1114
10	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993; ASTM C39; ASTM C42; AASHTO T22; AASHTO T140; AASHTO T24; JIS A1108; JIS A1107; DIN 1048
11	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993
12	- Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403
THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
13	- Thành phần cỡ hạt, modun độ lớn	TCVN 7572-02:2006; ASTM C136; BS 812-103.1; AASHTO T27
14	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-04:2006; ASTM C127; ASTM C128; BS 812-2
15	- Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-05:2006; ASTM C127; BS 812-2
16	- Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ rỗng	TCVN 7572-06:2006; ASTM C29; AASHTO T19
17	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-07:2006; ASTM C70; AASHTO T255
18	- Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-08:2006; ASTM C142; AASHTO T112
19	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-09:2006; ASTM C40; AASHTO T21
20	- Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
21	- Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131
22	- Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791
23	- Lấy mẫu	TCVN 7572-01:2006
24	- Hướng dẫn xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006
25	- Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006; JIS A1126
26	- XĐ hàm lượng hạt trôi dạt	TCVN 7572-13:2006

KIỂM TRA KIM LOẠI, VẬT LIỆU HÀN VÀ THÉP XÂY DỰNG		
27	Thử kéo	TCVN 1651:2008; TCVN 197-1:2014; ISO 15630-1; ASTM A615, A370; JIS Z2241
28	Thử uốn	TCVN 1651:2008; TCVN 198:2008; ISO 15630-1; ASTM A615, A370; TCVN 6287:1997
29	Thử phá hủy mối hàn kim loại - thử uốn	TCVN 5401:10
30	Thử phá hủy mối hàn KL - Thử va đập(nén dẹt)	TCVN 5402:10
31	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10
32	Thử nghiệm rọ đá	TCVN 10335:14; ASTM D2240, A975, A370, AD792, D412, D192, D641
33	Thử kéo bulong, vít, đai ốc	TCVN 1916:95; TCVN 197:2002
34	Kiểm tra không phá hủy mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCVN 1548:1987
35	Kiểm tra không phá hủy bằng phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617:1996
36	Kiểm tra không phá hủy bằng phương pháp bột từ	TCVN 4396:1986
37	- Thử kéo cáp, cáp dự ứng lực bọc epoxy, cáp bọc epoxy, thép dự ứng lực	TCVN 10952:2015; TCVN 197-1:2014; TCVN 7935:2009; ASTM A931; ASTM A1061
38	- Dung sai kích thước và hình dạng	TCVN 7574:2006
39	- Xác định khối lượng trên một đơn vị diện tích	TCVN 7665:2007
40	- Thử kéo mối nối	TCVN 8163:2009; TCVN 197-1:2014; ASTM A370
41	- Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 8311:2010; TCVN 197-1:2014; AASHTO T244; ASTM A370
42	- Thử kéo bu lông, cắt bu long	TCVN 197-1:2014; ASTM A370; ASTM A370
43	- Thử cốt thép-mối nối bằng ống gen	TCVN 8163:09
44	- Lưới thép hàn dùng trong kết cấu bê tông cốt thép - Thử kéo, sức chống cắt mối hàn	TCVN 9391:2012 (Phụ lục B và C)
BÊ TÔNG NHỰA		
45	- Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; AASHTO T245
46	- Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172; AASHTO T164
47	- Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; ASTM D5444
48	- Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041; AASHTO T209
49	- Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726; AASHTO T166
50	- Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011; ASTM D6390
51	- Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
52	- Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
53	- Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; AASHTO T269; ASTM D3203
54	- Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
55	- Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
56	- Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
NHỰA BITUM		
57	- Lấy mẫu vật liệu nhựa	TCVN 7495:2005
58	- Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005; ASTM D5; AASHTO

		T49
59	- Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; ASTM D113; AASHTO T51
60	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D36; AASHTO T53
61	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; ASTM D92; AASHTO T48
62	- Xác định lượng tổn thất sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:05; ASTM D6; AASHTO T47
63	- Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:05; ASTM D2042; AASHTO T44
64	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05; ASTM D70; AASHTO T228
65	- Xác định độ nhớt động	TCVN 7502:2005; ASTM D2170
66	- Xác định hàm lượng Paraphin bằng PP chưng cất	TCVN 7503:2005
67	- Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
68	- Hình dáng bên ngoài	22TCN 58:1984
69	- Thành phần hạt; Lượng mất khi nung	22TCN 58:1984
70	- Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984
71	- Hệ số hấp nước, độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58:1984
72	- Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58:1984
73	- Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58:1984
74	- Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
75	- Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	22TCN 02:1971
76	- Xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346:2006
77	- Xác định sức chịu tải của đất nền	JIS A1215
78	- Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011
79	- Xác định mô đun đàn hồi nền, mặt đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; AASHTO T221; ASTM D1195
80	- Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3 m	TCVN 8864:2011; ASTM E1703
81	- Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965
82	- Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
83	- Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy của bê tông	TCVN 9334:2012; TCVN 9334:2012; ASTM C805
84	- Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
85	- PP xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D4395
86	- Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012; BS 1881-204
87	- Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp xung siêu âm xác định vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012; ASTM C597; BS 1881-203
88	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012

89	Quan trắc lún nghiêng công trình	TCVN 9400:12
90	Cọc phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
91	Đánh giá cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCXDVN 239:2006
92	Đo điện trở của đất	TCVN 9385:12
93	Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống	TCVN 9385:2012
ỐNG CÔNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC		
94	- Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhãn mác	TCXDVN 372:2006; TCVN 9113:2012
95	- Kiểm tra kích thước và độ vuông góc của đầu ống cống	TCXDVN 372:2006; TCVN 9113:2012
96	- Thử khả năng chịu tải của ống cống	TCXDVN 372:2006; TCVN 9113:2012
97	- Thử độ thấm nước của ống cống	TCXDVN 372:2006; TCVN 9113:2012
KIỂM TRA CỐNG HỢP		
98	- Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhãn mác	TCXDVN 392:2007
	- Kiểm tra kích thước và độ sai lệch kích thước	
	- Thử khả năng chịu tải của đốt cống	
	- Xác định khả năng chống thấm	
CỌC BÊ TÔNG LY TÂM DỰ ỨNG LỰC		
99	Xác định kích thước ngoại quan và khuyết tật cọc	TCVN 7888:2014
100	Xác định độ bền uốn nứt thân cọc	TCVN 7888:2014
101	Xác định độ bền uốn thân cọc dưới tải trọng nén dọc trục	TCVN 7888:2014
102	Xác định khả năng bền cắt thân cọc	TCVN 7888:2014
103	Xác định độ bền uốn gãy thân cọc	TCVN 7888:2014
104	Xác định độ bền uốn mối nối	TCVN 7888:2014
CỌC VÁN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC		
105	Xác định kích thước ngoại quan và khuyết tật cọc	JIS 5373:2016
106	Xác định độ bền uốn nứt thân cọc	JIS 5373:2016
VỮA XÂY DỰNG		
107	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003; BS 1015-1
108	- Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003; ASTM C1437; BS 1015-3; ASTM C230
109	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003; BS 1015-6
110	- Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003; BS 1015-10
111	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2003; ASTM C109; AASHTO T106
112	- Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2003; ASTM C1403
113	- Vữa rót không co ngót - xác định cường độ nén	TCVN 9204:2012; ASTM C942
GẠCH BÊ TÔNG		
114	-Cường độ nén; Độ rỗng; Độ hút nước	TCVN 6355:2008, TCVN 6477:2016
	-Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	
	-Xác định cường độ uốn	
	-Xác định khối lượng thể tích	
GẠCH XÂY		
115	- Gạch xây đất sét nung, xác định: ngoại quan, cường độ bền nén, cường độ bền uốn, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ rỗng, vết tróc do vôi, sự thoát muối.	TCVN 6355-1,8:2009; ASTM C67-18
116	- Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ, xác	TCVN 9030:2017

	định: kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, độ hút nước, khối lượng thể tích khô, độ co khô	
	THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO	
117	- Kiểm tra kích thước và mức độ khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước; Xác định độ bền nén, uốn; Xác định độ mài mòn	TCVN 7744:2013; TCVN 6065:1995; TCVN 6355-3:09; BS 13748
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ỐP LÁT	
118	- Xác định kích thước hình dạng; XD: chất lượng bề mặt, độ bền uốn, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 6415-1 : 2005
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
119	- Kiểm tra kích thước và mức độ khuyết tật ngoại quan - Xác định: cường độ nén, độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:2011; ASTM C140
	NGÓI ĐẤT SÉT NUNG	
120	Xác định tải trọng uốn gãy của ngói Xác định độ hút nước của ngói Xác định thời gian không xuyên nước của ngói Xác định khối lượng 1m ² ngói bảo hòa nước	TCVN 4313 :1995
	PHÉP THỬ CƠ LÝ XI MĂNG	
121	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
122	Xác định giới hạn bền uốn, bền nén	TCVN 6016:2011
123	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích của xi măng	TCVN 6017:1995
124	Xác định cường độ theo phương pháp nhanh	TCVN 6016 :2011
	THỬ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT - BẮC THẨM VÀ VỎ BỌC BẮC THẨM	
125	- Cường độ kéo; cường độ kéo giật; độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:11; ASTM D4595; ASTM D4632
126	- Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533; ASTM D5494
127	- Xác định lực xuyên thùng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D4833; BS 6906-4; ASTM D6241
128	- Xác định lực kháng xuyên thùng thanh	TCVN 8871-4:2011
129	- Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011
130	- Xác định kích thước lỗ, xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-6:2011; ASTM D4751
131	- Xác định chiều dày	TCVN 8220:2013; 14TCN 92:1996; ASTM D5199
132	- Xác định độ thấm xuyên	14TCN 97:1996; ASTM D4491
133	- Xác định khối lượng đơn vị	TCVN 8221:2013; 14TCN 93:1996; ASTM D5261; ASTM D1505
134	- Khối lượng riêng của lõi	ASTM D1505; ASTM D792
135	- Xác định sức chọc thùng bằng PP rơi côn	14TCN 96:1996; BS 6906-6
136	- Phương pháp xác định độ dẫn nước	14TCN 98:1996

Ghi chú (*): - Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.